

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **854** /TB-SGDĐT

Hà Nội, ngày **18** tháng **3** năm 2025

THÔNG BÁO
Xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2024

Đơn vị: Trường Mầm non B
Mã chương: 422

Căn cứ Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm (Thông tư số 137/2017/TT-BTC); Quyết định số 554/QĐ-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính về việc đính chính Thông tư số 137/2017/TT-BTC; các Công văn của Sở Tài chính về việc hướng dẫn xử lý tài sản, tài chính, ngân sách nhà nước trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy: số 261/STC-TCHCSN ngày 14/01/2025 và số 597/STC-TCHCSN ngày 24/01/2025;

Căn cứ báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán ngân sách năm 2024 của Trường Mầm non B và biên bản xét duyệt quyết toán ngày 14/02/2025 giữa Sở Giáo dục và Đào tạo và Trường Mầm non B và các tài liệu khác có liên quan.

Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2024 (không bao gồm quyết toán vốn xây dựng cơ bản bằng nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung) của Trường Mầm non B như sau:

I. PHẦN SỐ LIỆU

1. Số liệu quyết toán

a) Thu phí, lệ phí (không phát sinh)

b) Quyết toán chi ngân sách

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 0 đồng.

- Dự toán được giao trong năm: 1.966.000.000 đồng, trong đó:

+ Dự toán giao đầu năm: 1.957.500.000 đồng;

+ Dự toán bổ sung trong năm: 8.500.000 đồng.

- Kinh phí thực nhận trong năm: 106.296.000 đồng;

- Kinh phí quyết toán: 106.296.000 đồng;

- Kinh phí huỷ dự toán trong năm: 1.859.544.000 đồng.

- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 160.000 đồng.

(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu 2c)

(Chữ ký)

2. Tình hình thực hiện kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính: Đơn vị đã thực hiện kiến nghị của Sở Tài chính tại Kết luận Thanh tra chuyên đề số 4580/KL-STC ngày 08/8/2023 về việc chấp hành các quy định của pháp luật trong công tác quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách hỗ trợ các đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi thường xuyên bị suy giảm nguồn thu do ảnh hưởng của dịch COVID-19 tại Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội.

3. Thuyết minh số liệu quyết toán

a) Tổng kinh phí dự toán ngân sách giao thực hiện chế độ tự chủ 35.500.000 đồng là kinh phí ngân sách Thành phố cấp bù tiền miễn, giảm học phí theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ.

b) Kinh phí quyết toán ngân sách thực hiện chế độ tự chủ 35.340.000 đồng là kinh phí ngân sách Thành phố cấp bù tiền miễn, giảm học phí theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ.

c) Tổng kinh phí dự toán ngân sách giao không thực hiện chế độ tự chủ (không thường xuyên) là 1.930.500.000 đồng.

d) Tổng kinh phí quyết toán ngân sách giao không thực hiện chế độ tự chủ (không thường xuyên) là 70.956.000 đồng.

đ) Tổng kinh phí quyết toán ngân sách giảm so với dự toán giao trong năm là 1.859.704.000 đồng, bao gồm:

- Kinh phí chuyển nguồn sang năm sau 160.000 đồng là kinh phí ngân sách Thành phố cấp bù tiền miễn, giảm học phí theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ.

- Kinh phí hủy dự toán 1.859.544.000 đồng, bao gồm:

+ Kinh phí mua sắm ngoài định mức là 1.859.500.000 đồng do không đủ điều kiện triển khai đấu thầu.

+ Kinh phí để thực hiện công tác khắc phục thiệt hại do bão số 3 gây ra 44.000 đồng do tiết kiệm trong khắc phục thiệt hại.

e) Tổng số biên chế có mặt đầu năm 23 người/số biên chế theo chỉ tiêu biên chế được giao 39 người; cuối năm có mặt 22 người.

II. NỘI DUNG ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

1. Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm: 226.638 đồng.

2. Trích lập các quỹ: 0 đồng.

3. Kinh phí dành thực hiện nguồn cải cách tiền lương: 0 đồng.

(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu 2b)

III. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

1. Nhận xét

a) Về chấp hành thời hạn nộp báo cáo quyết toán

Đơn vị nộp báo cáo đảm bảo đúng thời gian quy định

b) Về các mẫu biểu báo cáo quyết toán

Đơn vị đã thực hiện in đầy đủ theo quy định.

c) Các khoản thu, chi phát sinh tại đơn vị

- Về lập dự toán: Đơn vị đã thực hiện theo chế độ quy định;

- Chế độ chi tiêu: Đơn vị đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ và thực hiện kiểm soát chi theo Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị;

- Chế độ thu: Đơn vị báo cáo đã thực hiện thu học phí trường chất lượng cao theo quy định. Thu học phí đơn vị đã viết hóa đơn tuy nhiên chưa kịp thời.

d) Hạch toán thu, chi theo mục lục ngân sách nhà nước và niên độ ngân sách: Đơn vị đã thực hiện theo chế độ quy định.

đ) Về thực hiện công khai: Đơn vị chưa thực hiện công khai quản lý và sử dụng tài sản và công khai theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GDĐT ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

e) Về mua sắm, sửa chữa tài sản; quản lý và sử dụng tài sản

- Đã hạch toán hao mòn tài sản theo quy định;

- Đơn vị chưa thực hiện xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị tài sản của tổ chức được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất theo quy định tại Chương XI của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ.

- Năm 2024, đơn vị tổ chức 03 gói thầu (01 gói: Cung cấp dịch vụ tổ chức chương trình làm quen tiếng Anh cho trẻ mẫu giáo năm học 2024-2025 sử dụng hình thức đấu thầu rộng rãi qua mạng, 01 gói: Cung cấp thực phẩm sử dụng hình thức đấu thầu rộng rãi qua mạng, 01 gói: Sáng tạo nghệ thuật sử dụng hình thức chào hàng cạnh tranh qua mạng), đã lựa chọn được nhà thầu cung cấp dịch vụ, 02 gói ký hợp đồng theo đơn giá cố định và 01 gói ký hợp đồng trọn gói. Qua kiểm tra hồ sơ và báo cáo của đơn vị: Các gói thầu có quy trình thực hiện lựa chọn nhà thầu cơ bản tuân theo quy định; các dịch vụ giáo dục theo dự toán, kế hoạch trường đã xây dựng. Đơn vị chịu trách nhiệm toàn diện về quá trình thực hiện, hồ sơ lưu trữ và hồ sơ đã cung cấp để kiểm tra.

- Năm 2024, Sở Giáo dục và Đào tạo đã giao 1.859.500.000 đồng để mua sắm trang thiết bị dạy học; tuy nhiên đến ngày 04/02/2025 UBND Thành phố mới phê duyệt tiêu chuẩn định mức máy móc thiết bị chuyên dùng, do đó đơn vị

Ch
h

không kịp triển khai mua sắm trang thiết bị dạy học.

Đối với kinh phí khắc phục thiệt hại do bão số 3 gây ra: Đơn vị được Sở Giáo dục và Đào tạo phân bổ kinh phí là 71.000.000 đồng. Đơn vị đã thực hiện 70.956.000 đồng, đã thanh quyết toán và lưu giữ hồ sơ theo quy định.

Sở Giáo dục và Đào tạo không tiến hành kiểm tra chi tiết hồ sơ, chứng từ chi từ nguồn kinh phí ngân sách và các nguồn thu của đơn vị. Đơn vị chịu hoàn toàn trách nhiệm về hồ sơ, chứng từ thu, chi phát sinh tại đơn vị, việc chấp hành chính sách, chế độ của Nhà nước, tính chính xác, trung thực của thông tin số liệu quyết toán và tính hợp pháp của chứng từ đã tổng hợp báo cáo quyết toán năm 2024.

2. Kiến nghị

Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị Trường Mầm non B:

- Thực hiện thanh toán, chi trả các chế độ đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh của đơn vị bảo đảm đầy đủ, kịp thời theo đúng chế độ quy định hiện hành;

- Thực hiện theo dõi, quản lý toàn bộ giá trị tài sản công cụ dụng cụ hiện có của đơn vị theo đúng chế độ quy định. Đối với việc sử dụng tài sản nhà nước vào mục đích kinh doanh dịch vụ, liên doanh, liên kết (nếu có) cần thực hiện đầy đủ theo đúng quy định;

- Thực hiện tính các khoản thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân của cán bộ, giáo viên, nhân viên và lao động hợp đồng đảm bảo đúng chế độ quy định; thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế theo loại hình đơn vị sự nghiệp công lập đảm bảo đúng chế độ quy định;

- Thực hiện theo dõi hạch toán các khoản thu, chi phát sinh tại đơn vị kịp thời đầy đủ, đảm bảo hồ sơ, chứng từ theo đúng thực tế phát sinh tại đơn vị và chế độ quy định hiện hành;

- Thực hiện các khoản thu theo đúng văn bản quy định, khi thu tiền phải trả chứng từ thu cho học sinh kịp thời theo quy định;

- Thực hiện theo dõi quản lý quỹ tiền mặt, dự toán kinh phí được giao, quỹ tiền gửi của đơn vị kịp thời, đầy đủ, đúng quy định bảo đảm xác định chính xác số dư tiền mặt tại quỹ; số dư tiền gửi và số dư kinh phí dự toán tại ngân hàng kho bạc nơi đơn vị mở tài khoản đúng với thực tế phát sinh tại đơn vị.

- Đơn vị cần cập nhật các văn bản quy định mới được ban hành và đã có hiệu lực triển khai thực hiện. Với các gói thầu nhỏ, có giá trị dưới 50 triệu đồng thực hiện theo khoản 4 Điều 23 Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15. Đơn vị khắc phục một số nội dung thực hiện tồn tại theo ý kiến của tổ kiểm tra hồ sơ; sắp xếp, hoàn thiện bổ sung hồ sơ và lưu trữ đầy đủ theo quy định; Tăng cường công tác quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản, thiết bị.

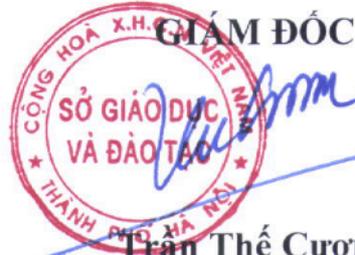
- Thực hiện công khai:

+ Công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm 2024 sau khi có Thông báo xét duyệt quyết toán của Sở Giáo dục và Đào tạo theo đúng quy định;

+ Thực hiện công tác công khai của đơn vị đảm bảo đầy đủ và đúng các văn bản quy định hiện hành. / *vat*

Nơi nhận:

- Trường Mầm non B;
- Sở Tài chính;
- Đ/c Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, KHTC. *H*



Trần Thế Cường

em

ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2024

Đơn vị: Trường Mầm non B

Chương: 422

Đơn vị: đồng

Chi tiêu	Nội dung	Số tiền
A	B	C
	Hoạt động hành chính, sự nghiệp	
01	Doanh thu (01=02+03+04)	1.608.685.953
02	a. Từ NSNN cấp	1.608.685.953
03	b. Từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	
04	c. Từ nguồn phí được khấu trừ, để lại	
05	Chi phí (05=06+07+08)	1.608.685.953
06	a. Chi phí hoạt động	1.608.685.953
07	b. Chi phí từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	
08	c. Chi phí hoạt động thu phí	
09	Thặng dư/thâm hụt (09=01-05)	
	Hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ	
10	Doanh thu	11.024.800.000
11	Chi phí	10.804.304.000
12	Thặng dư/thâm hụt (12=10-11)	220.496.000
	Hoạt động tài chính	
20	Doanh thu	228.638
21	Chi phí	2.000
22	Thặng dư/thâm hụt (22=20-21)	226.638
	Hoạt động khác	
30	Thu nhập khác	
31	Chi phí khác	
32	Thặng dư/thâm hụt (32=30-31)	
40	Chi phí thuế TNDN	220.496.000
41	Các khoản phải nộp NSNN khác	
50	Thặng dư/thâm hụt trong năm (50=09+12+22+32-40)	226.638
51	Sử dụng kinh phí tiết kiệm của đơn vị hành chính	
52	Phân phối cho các quỹ	
53	Kinh phí cải cách tiền lương	

Chu

**SỐ LIỆU XÉT DUYỆT (HOẶC THẨM ĐỊNH)
QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH**

Năm 2024

(Kèm theo Thông báo xét duyệt quyết toán số **854** /TB-SGDDĐT ngày **18/3/2025** của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội)

Đơn vị: Trường Mầm non B

Chương: 422

Nguồn: Ngân sách Tỉnh

Phần I - TỔNG HỢP TÌNH HÌNH KINH PHÍ:

Chi tiêu	Nội dung	Trường Mầm non B			Đơn vị tính: Đồng
		Tổng số	Loại 070		
			Tổng loại 070	Khoản 071	
A	B	1	2	3	
	NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC				
	NGUỒN NGÂN SÁCH TRONG NƯỚC				
01	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang (01=02+05)				
02	Kinh phí thường xuyên/tự chủ (02=03+04)				
03	- Kinh phí đã nhận				
04	- Dự toán còn dư ở Kho bạc				
05	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (05=06+07)				
06	- Kinh phí đã nhận				
07	- Dự toán còn dư ở Kho bạc				
08	Dự toán được giao trong năm (08=09+10)	1.966.000.000	1.966.000.000	1.966.000.000	
09	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	35.500.000	35.500.000	35.500.000	
10	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	1.930.500.000	1.930.500.000	1.930.500.000	
11	Tổng số được sử dụng trong năm (11=12+13)	1.966.000.000	1.966.000.000	1.966.000.000	
12	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (12=02+09)	35.500.000	35.500.000	35.500.000	
13	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (13=05+10)	1.930.500.000	1.930.500.000	1.930.500.000	
14	Kinh phí thực nhận trong năm (14=15+16)	106.296.000	106.296.000	106.296.000	
15	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	35.340.000	35.340.000	35.340.000	
16	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	70.956.000	70.956.000	70.956.000	

Chỉ tiêu	Nội dung	Trường Mầm non B		
		Tổng số	Loại 070	
			Tổng loại 070	Khoản 071
A	B	I	2	3
17	Kinh phí đề nghị quyết toán (17=18+19)	106.296.000	106.296.000	106.296.000
18	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	35.340.000	35.340.000	35.340.000
19	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	70.956.000	70.956.000	70.956.000
20	Kinh phí giảm trong năm (20=21+25)	1.859.544.000	1.859.544.000	1.859.544.000
21	Kinh phí thường xuyên/tự chủ (21= 22+23+24)			
22	- Đã nộp NSNN			
23	- Còn phải nộp NSNN (23=03+15-18-22-31)			
24	- Dự toán bị hủy (24=04+09-15-32)			
25	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (25=26+27+28)	1.859.544.000	1.859.544.000	1.859.544.000
26	- Đã nộp NSNN			
27	- Còn phải nộp NSNN (27=06+16-19-26-34)			
28	- Dự toán bị hủy (28=07+10-16-35)	1.859.544.000	1.859.544.000	1.859.544.000
29	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (29=30+33)	160.000	160.000	160.000
30	Kinh phí thường xuyên/tự chủ (30=31+32)	160.000	160.000	160.000
31	- Kinh phí đã nhận			
32	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	160.000	160.000	160.000
33	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (33=34+35)			
34	- Kinh phí đã nhận			
35	- Dự toán còn dư ở Kho bạc			
	NGUỒN VỐN VIỆN TRỢ			
36	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang			
37	Dự toán được giao trong năm			
38	Tổng kinh phí đã nhận viện trợ trong năm (38=39+40)			
39	- Số đã ghi thu, ghi tạm ứng			
40	- Số đã ghi thu, ghi chi			
41	Kinh phí được sử dụng trong năm (41= 36+38)			
42	Kinh phí đề nghị quyết toán			
43	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (43=41-42)			
	NGUỒN VAY NỢ NƯỚC NGOÀI			
44	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang (44=45+46)			
45	- Kinh phí đã ghi tạm ứng			

SỐ LIỆU XÉT DUYỆT
QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH

Mẫu biểu 2c

Năm 2024

Đơn vị: Trường Mầm non B (Kèm theo Thông báo xét duyệt quyết toán số **854/TB-SGDĐT** ngày **18/3/2025** của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội)

Chương: 422

Nguồn: Ngân sách Tỉnh

Phần II - CHI TIẾT KINH PHÍ QUYẾT TOÁN

Loại	Khoán	Mục	Tiêu mục	Nội dung chi	Tổng số	Trường Mầm non B				Đơn vị tính: Đồng		
						Nguồn ngân sách nhà nước		Viện trợ	Vay nợ nước ngoài		Nguồn phí được khấu trừ, để lại	Nguồn hoạt động khác được để lại
						Ngân sách trong nước						
A	B	C	D	E	I	2	3	4	5	6		
				Tổng số:	106.296.000	106.296.000						
				I. Kinh phí thường xuyên/tự chủ	35.340.000	35.340.000						
070	071			Giáo dục mầm non	35.340.000	35.340.000						
		7750		Chi khác	35.340.000	35.340.000						
			7766	Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ	35.340.000	35.340.000						
				II. Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	70.956.000	70.956.000						
070	071			Giáo dục mầm non	70.956.000	70.956.000						
		7750		Chi khác	70.956.000	70.956.000						
			7753	Chi khác phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh cho các đơn vị dự toán và cho các doanh nghiệp	70.956.000	70.956.000						